

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 29



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc, Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1096+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO – Xí nghiệp Xây dựng IDICO – IDI.

Địa chỉ của Chi nhánh 560A Quốc lộ 1, Khu phố 6, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Thúc	Chủ tịch
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Vũ Thành Danh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2011)
	Bà Lê Thị Thoa	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2011)
	Ông Phạm Quốc Vượng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Vũ Thành Danh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 4/05/2011)
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc
	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

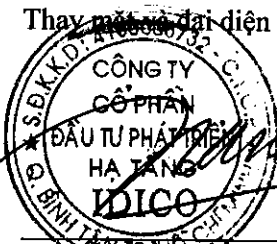
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Ninh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Số.239 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28/03/2012 của Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Phú Hà  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0389/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Song Toàn  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1551/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>18.521.550.019</b>	<b>43.173.422.069</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.596.194.316</b>	<b>3.871.551.651</b>
1. Tiền	111	5.1	2.596.194.316	3.871.551.651
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	8.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.670.279.207</b>	<b>23.352.123.115</b>
1. Phải thu khách hàng	131		6.275.385.185	11.464.691.628
2. Trả trước cho người bán	132		4.101.249.677	6.814.260.035
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.635.026.235	5.457.574.062
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(341.381.890)	(384.402.610)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>160.446.903</b>	<b>4.530.003.103</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	160.446.903	4.530.003.103
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.094.629.593</b>	<b>3.419.744.200</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	622.056.047	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	59.491.683	59.491.683
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	3.413.081.863	3.360.252.517
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>488.052.656.004</b>	<b>588.811.120.658</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.930.773.120</b>	<b>-</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	17.930.773.120	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>434.802.967.398</b>	<b>476.583.465.838</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	419.433.116.944	463.629.470.232
- Nguyên giá	222		790.814.312.786	779.339.378.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(371.381.195.842)	(315.709.908.374)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	417.877.740	356.411.117
- Nguyên giá	228		877.924.800	714.424.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(460.047.060)	(358.013.683)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	14.951.972.714	12.597.584.489
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>23.482.780.000</b>	<b>112.227.654.820</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	17.930.773.120
3. Đầu tư dài hạn khác	258		23.482.780.000	108.757.715.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(14.460.833.800)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.836.135.486</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	11.836.135.486	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>506.574.206.023</b>	<b>631.984.542.727</b>
(270 = 100+200)				

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>200.932.925.451</b>	<b>352.774.312.010</b>
(300 = 310+330)				
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.676.040.805</b>	<b>22.358.026.031</b>
1. Phải trả người bán	312		3.962.706.466	6.017.840.891
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	1.348.846.947	1.826.759.232
3. Phải trả người lao động	315		-	1.667.210.909
4. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	5.364.487.392	12.846.214.999
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>190.256.884.646</b>	<b>330.416.285.979</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	1.012.788.162	64.288.240.880
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	189.200.000.000	266.033.571.399
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		44.096.484	94.473.700
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>305.641.280.572</b>	<b>279.210.230.717</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>305.641.280.572</b>	<b>279.210.230.717</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.309.902.864	9.150.770
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.540.252.894	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.299.124.814	29.709.079.947
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>506.574.206.023</b>	<b>631.984.542.727</b>
(440 = 300+400)	<b>440</b>			

Người lập biểu



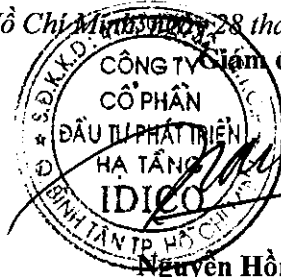
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2012

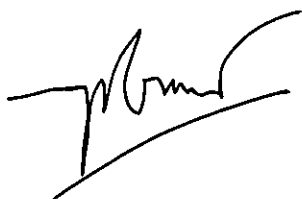


Nguyễn Hồng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	164.320.625.458	182.675.572.897
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	164.320.625.458	182.675.572.897
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	66.883.711.449	80.678.568.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		97.436.914.009	101.997.004.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	4.189.487.814	6.522.013.700
7. Chi phí tài chính	22	5.21	24.633.617.907	42.539.747.051
8. Chi phí bán hàng	24		19.479.061.321	16.531.735.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.810.552.428	6.977.112.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		46.703.170.167	42.470.422.526
11. Thu nhập khác	31	5.22	120.337.973	3.845.017
12. Chi phí khác	32	5.22	3.331.183	11.534.421
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		117.006.790	(7.689.404)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		46.820.176.957	42.462.733.122
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.220.523.788	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		45.599.653.169	42.462.733.122
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.828	1.702

Người lập biểu



Nguyễn Trường Vũ

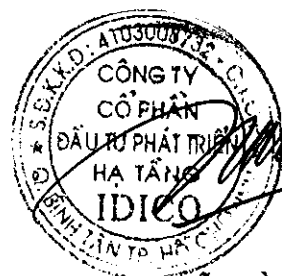
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

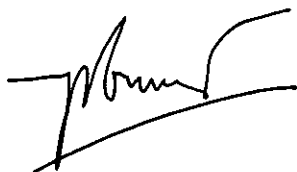
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	185.895.714.577	190.268.770.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33.195.158.790)	(28.330.349.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.454.119.322)	(14.751.457.826)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(35.388.770.845)	(42.539.747.051)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(796.654.396)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.702.045.269	28.029.399.496
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.108.687.698)	(43.653.945.843)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>78.654.368.795</b>	<b>89.022.669.362</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.218.797.545)	(164.314.500)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.910.000.000)	(20.650.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.910.000.000	24.650.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.000.000.000)
5. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.303.593.814	4.516.061.830
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.084.796.269</b>	<b>5.351.747.330</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.000.000.000	11.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.833.571.399)	(105.072.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.180.951.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(90.014.522.399)</b>	<b>(94.072.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.275.357.335)</b>	<b>302.416.692</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.871.551.651</b>	<b>3.569.134.959</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>2.596.194.316</b>	<b>3.871.551.651</b>

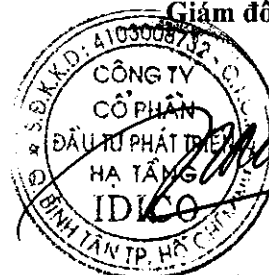
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Trường Vũ

Nguyễn Văn Thọ

Nguyễn Hồng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ B 09-DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HD9TV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 09 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp. Vốn điều lệ: 249.492.000.000 đồng.

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1, đoạn An Sương - An Lạc thuộc địa phận TP. HCM; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPD9C1-ĐTTN ngày 07/04/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPD9C2-ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2011:

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp	
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
		VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam	8.732.220	87.322.200.000	35,0%	87.322.200.000	87.322.200.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6	3.118.650	31.186.500.000	12,5%	31.186.500.000	31.186.500.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	2.494.920	24.949.200.000	10,0%	24.949.200.000	24.949.200.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	2.494.920	24.949.200.000	10,0%	24.949.200.000	24.949.200.000
Các cổ đông khác	8.108.490	81.084.900.000	32,5%	81.084.900.000	81.084.900.000
<b>Tổng</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>		<b>249.492.000.000</b>	<b>249.492.000.000</b>

Số lao động bình quân: 310 người (năm 2010: 340 người)

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã Chứng khoán : HTI.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, lắp đặt thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: mua bán thiết bị ngành giao thông;
- Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác thải không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng kể từ tháng 1/2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng.

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 6.3.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2011</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
Phương tiện vận tải	08

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương – An Lạc được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCĐN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản (XDCCB) dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền duy tu sửa chữa đường Quốc lộ 1A. Chi phí trả trước dài hạn được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã được lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ theo hướng dẫn tại Phần H, thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thu phí sử dụng đường bộ, xây lắp, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	2.373.451.887	1.709.616.388
Tiền gửi ngân hàng	222.742.429	2.161.935.263
<b>Tổng</b>	<b>2.596.194.316</b>	<b>3.871.551.651</b>

**5.2 Phải thu khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	36.891.233	10.367.059
Phải thu khác	1.598.135.002	5.447.207.003
<i>Tổng công ty IDICO</i>	180.497.920	-
<i>IDICO - URBIZ</i>	-	1.677.341.315
<i>IDICO - COMATRA</i>	-	663.373.996
<i>IDICO - CONAC</i>	539.864.092	2.286.308.092
<i>Đối tượng khác</i>	877.772.990	820.183.600
<b>Tổng</b>	<b>1.635.026.235</b>	<b>5.457.574.062</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	152.801.718	208.483.338
Công cụ, dụng cụ	6.895.185	15.178.160
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	750.000	4.306.341.605
<b>Tổng</b>	<b>160.446.903</b>	<b>4.530.003.103</b>

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	622.056.047	-
<b>Tổng</b>	<b>622.056.047</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế nhập khẩu nộp thừa	59.491.683	59.491.683
<b>Tổng</b>	<b>59.491.683</b>	<b>59.491.683</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	3.413.081.863	3.360.252.517
<b>Tổng</b>	<b>3.413.081.863</b>	<b>3.360.252.517</b>

**5.7 Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO theo hợp đồng hợp tác kinh doanh tháng 5 năm 2011. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 6.4.

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị: VND</i>				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	770.796.286.225	6.666.016.663	1.460.284.000	416.791.718	779.339.378.606
Tăng trong năm	8.555.780.698	226.397.118	2.711.353.964	-	11.493.531.780
Mua trong năm	52.819.091	226.397.118	2.692.756.364	-	2.971.972.573
Đầu tư XD CB hoàn thành	8.502.961.607	-	-	-	8.502.961.607
Phân loại lại	-	-	18.597.600	-	18.597.600
Giảm trong năm	-	18.597.600	-	-	18.597.600
Phân loại lại	-	18.597.600	-	-	18.597.600
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>779.352.066.923</b>	<b>6.873.816.181</b>	<b>4.171.637.964</b>	<b>416.791.718</b>	<b>790.814.312.786</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	310.911.329.727	3.450.109.734	1.036.987.617	311.481.296	315.709.908.374
Tăng trong năm	54.538.641.544	918.110.185	163.070.382	51.465.357	55.671.287.468
Khấu hao trong năm	54.538.641.544	918.110.185	163.070.382	51.465.357	55.671.287.468
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>365.449.971.271</b>	<b>4.368.219.919</b>	<b>1.200.057.999</b>	<b>362.946.653</b>	<b>371.381.195.842</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2011	459.884.956.498	3.215.906.929	423.296.383	105.310.422	463.629.470.232
Tại 31/12/2011	413.902.095.652	2.505.596.262	2.971.579.965	53.845.065	419.433.116.944

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2011: 534.737.623 đồng (tại 31/12/2010: 433.187.869 đồng).

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2011	714.424.800	714.424.800
Tăng trong năm	163.500.000	163.500.000
Mua trong năm	163.500.000	163.500.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>877.924.800</u>	<u>877.924.800</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2011	358.013.683	358.013.683
Tăng trong năm	102.033.377	102.033.377
Khấu hao trong năm	102.033.377	102.033.377
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>460.047.060</u>	<u>460.047.060</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2011	<u>356.411.117</u>	<u>356.411.117</u>
Tại 31/12/2011	<u>417.877.740</u>	<u>417.877.740</u>

**5.10 Chi phí xây dựng dở dang**

	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>01/01/2011 VND</b>
Dự án cải tạo QL1A đoạn An Sương - An Lạc	-	7.563.115.810
Dự án đường Hà Huy Giáp, Quận 12	3.276.753.282	2.128.343.039
Dự án đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL 1A	10.640.404.714	557.915.774
Các dự án khác	94.178.900	89.345.900
Sửa chữa lớn tài sản cố định	940.635.818	2.258.863.966
<b>Tổng</b>	<u>14.951.972.714</u>	<u>12.597.584.489</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Các khoản đầu tư dài hạn**

	31/12/2011		1/1/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	-	-	-	17.930.773.120
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO</i>	-	-	-	17.930.773.120
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	1.476.490	23.482.780.000	4.468.593	108.757.715.500
<i>Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng (Mã SHP) (*)</i>	-	-	2.992.103	85.274.935.500
<i>Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sản xuất gia công và Bao bì (Mã PACKSIMEX)</i>	1.476.490	23.482.780.000	1.476.490	23.482.780.000
<b>Dự phòng giảm giá khoản đầu tư (*)</b>	-	-	-	(14.460.833.800)
<b>Tổng</b>	<b>1.476.490</b>	<b>23.482.780.000</b>	<b>4.468.593</b>	<b>112.227.654.820</b>

(\*) Theo Kết luận thanh tra số 390/KL-TTr ngày 18 tháng 8 năm 2011 về việc thanh tra tài chính tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV, Tổng IDICO và IDICO-IDI phải hạch toán điều chỉnh giảm số sách kế toán khoản đầu tư dài hạn khác, IDICO - IDI hoàn nhập khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 14.460.833.800 đồng và kê khai bổ sung thuế TNDN năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá. Do vậy, Công ty không trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trung tu tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương-An Lạc	11.836.135.486	-
<b>Tổng</b>	<b>11.836.135.486</b>	<b>-</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	872.739.271	1.816.200.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp	423.869.392	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.238.284	10.558.852
<b>Tổng</b>	<b>1.348.846.947</b>	<b>1.826.759.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	62.669.963	59.230.997
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.112.238
Cổ tức năm 2010	766.217.000	8.628.397.918
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.535.600.429	4.150.473.846
<i>Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng</i>	<i>4.122.306.000</i>	<i>4.122.306.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>413.294.429</i>	<i>28.167.846</i>
<b>Tổng</b>	<b>5.364.487.392</b>	<b>12.846.214.999</b>
	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	62.669.963	59.230.997
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.112.238
Cổ tức năm 2010	766.217.000	8.628.397.918
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.535.600.429	4.150.473.846
<i>Phải trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng</i>	<i>4.122.306.000</i>	<i>4.122.306.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>413.294.429</i>	<i>28.167.846</i>
<b>Tổng</b>	<b>5.364.487.392</b>	<b>12.846.214.999</b>

**5.15 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty IDICO	-	64.288.240.880
Phải trả cho IDICO - Long An	1.012.788.162	-
<b>Tổng</b>	<b>1.012.788.162</b>	<b>64.288.240.880</b>

**5.16 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngân hàng	189.200.000.000	266.033.571.399
<b>Tổng</b>	<b>189.200.000.000</b>	<b>266.033.571.399</b>

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 351/2004/HĐ ngày 28 tháng 7 năm 2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh, Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

Số tiền vay: 580.000.000.0000 đồng;

Mục đích vay: Đầu tư dự án "Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 A đoạn An Suong - An Lạc Km 1901 - Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh";

Thời hạn vay: 126 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Thời gian trả nợ: 120 tháng bắt đầu vào quý I năm 2005, trả nợ gốc 3 tháng 1 kỳ, lãi trả ngày 25 đến 30 hàng tháng;

Lãi suất : 15%/ năm.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí quốc lộ 1A theo hợp đồng BOT.

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	249.492.000.000	9.150.770	-	8.796.334.925	258.297.485.695
Tăng trong năm	-	-	-	42.462.733.122	42.462.733.122
Lãi	-	-	-	42.462.733.122	42.462.733.122
Giảm trong năm	-	-	-	21.549.988.100	19.959.360.000
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	19.959.360.000	19.959.360.000
Trích lập quỹ	-	-	-	1.590.628.100	1.590.628.100
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>9.150.770</b>	<b>-</b>	<b>29.709.079.947</b>	<b>279.210.230.717</b>
Số dư tại 01/01/2011	249.492.000.000	9.150.770	-	29.709.079.947	279.210.230.717
Tăng trong năm	-	8.300.752.094	2.540.252.894	45.599.653.169	56.440.658.157
Lãi	-	-	-	45.599.653.169	45.599.653.169
Trích lập quỹ	-	8.300.752.094	2.540.252.894	-	10.841.004.988
Giảm trong năm	-	-	-	30.009.608.302	30.009.608.302
Chia cổ tức	-	-	-	17.464.440.000	17.464.440.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	12.545.168.302	12.545.168.302
- Trích quỹ KT, PL	-	-	-	1.704.163.314	1.704.163.314
- Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	8.300.752.094	8.300.752.094
- Trích quỹ DPTC	-	-	-	2.540.252.894	2.540.252.894
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>8.309.902.864</b>	<b>2.540.252.894</b>	<b>45.299.124.814</b>	<b>305.641.280.572</b>

**b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	249.492.000.000	249.492.000.000

**c. Cổ phiếu**

	Năm 2011 Cổ phiếu	Năm 2010 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>24.949.200</b>	<b>24.949.200</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000 đ/cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thu phí đường bộ	154.996.900.006	156.910.499.999
Doanh thu dịch vụ xây lắp	9.323.725.452	25.765.072.898
<b>Tổng</b>	<b>164.320.625.458</b>	<b>182.675.572.897</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn thu phí đường bộ	58.089.862.032	56.416.060.449
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	8.793.849.417	24.262.508.188
<b>Tổng</b>	<b>66.883.711.449</b>	<b>80.678.568.637</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	350.613.814	4.516.061.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.838.874.000	2.005.951.870
<b>Tổng</b>	<b>4.189.487.814</b>	<b>6.522.013.700</b>

**5.21 Chi phí tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	35.388.770.845	42.539.747.051
Lãi do góp vốn đầu tư chậm tiến độ	1.012.788.162	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (*)	(14.460.833.800)	-
Chuyển trả cổ tức cổ phiếu SHP đã nhận thay Tổng IDICO	2.692.892.700	-
<b>Tổng</b>	<b>24.633.617.907</b>	<b>42.539.747.051</b>

(\*) Theo Kết luận thanh tra số 390/KL-TTr ngày 18 tháng 8 năm 2011 về việc thanh tra tài chính tại Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam, Tổng IDICO và IDICO-IDI phải hạch toán điều chỉnh giảm sổ sách kế toán khoản đầu tư dài hạn khác, IDICO - IDI hoàn nhập khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 14.460.833.800 đồng và kê khai bổ sung thuế TNDN năm 2010.



**5.22 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu tiền bồi thường	41.987.000	-
Thanh lý công cụ	13.636.363	-
Thu tiền bán hồ sơ thầu	49.000.000	-
Thu nhập khác	15.714.610	3.845.017
<b>Tổng</b>	<b>120.337.973</b>	<b>3.845.017</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại công cụ thanh lý	3.313.190	-
Chi phí khác	17.993	11.534.421
<b>Tổng</b>	<b>3.331.183</b>	<b>11.534.421</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>117.006.790</b>	<b>(7.689.404)</b>

**5.23 Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

Chỉ tiêu	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận kế toán</b>	<b>46.820.176.957</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.409.788.162</i>
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	397.000.000
Lãi do góp vốn đầu tư chậm tiến độ	1.012.788.162
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>23.819.489.376</i>
Thu nhập từ nhận cổ tức	3.838.874.000
Chuyển lỗ trong năm	19.980.615.376
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>24.410.475.743</b>
Thuế suất áp dụng	10%
Giảm theo ưu đãi thuế	50%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.220.523.788</b>

**5.24 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.599.653.169	42.462.733.122
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.599.653.169	42.462.733.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.949.200	24.949.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.828</b>	<b>1.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.653.668.313	18.556.401.921
Chi phí nhân công	24.430.561.316	22.914.887.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.773.320.845	56.403.767.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.972.274.072	5.530.960.241
Chi phí khác bằng tiền	7.393.257.626	3.001.547.672
<b>Tổng</b>	<b>100.223.082.172</b>	<b>106.407.565.163</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Ban điều hành Công ty	Lương, thưởng, thù lao	1.910.858.746	1.742.004.006
<b>Tổng</b>		<b>1.910.858.746</b>	<b>1.742.004.006</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2011 VNĐ</b>
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Thi công công trình Vay ngắn hạn Phải trả cổ tức đợt 2 năm 2010 Chuyển trả cổ tức SHP đã nhận thay Tổng Công ty Phải trả mua hồ sơ thầu	- 12.000.000.000 6.112.554.000 2.692.892.700 750.000
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức đợt 2 năm 2010	2.183.055.000
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả cổ tức đợt 2 năm 2010	1.746.444.000
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả cổ tức đợt 2 năm 2010	1.746.444.000
IDICO - Long An	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Nhập mua vật tư Lãi vay do chậm góp vốn	1.945.915.954 1.012.788.162
IDICO - INCONT	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Chi phí khảo sát xây dựng	164.465.455

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung công nợ</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Phải thu TCT	5.910.486.185	10.758.224.188
		Phải trả TCT	-	64.288.240.880
		Trả trước khác	180.497.920	-
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Tạm ứng cổ tức năm 2010 đợt 1	-	2.494.920.000
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu Trả trước khác	539.864.092 10.703.544	2.286.308.092 -
IDICO - URBIZ	Cổ đông lớn Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	-	1.677.341.315
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Tạm ứng cổ tức năm 2010 đợt 1	-	1.995.936.000
IDICO - COMATRA	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	-	663.373.996
IDICO - Long An	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả người bán Phải trả khác	842.974.199 1.012.788.162	- -
IDICO - VINACONT	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Ứng trước người bán	44.890.000	-
IDICO - INCONT	Cùng là Công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải trả người bán	43.668.000	59.720.000

**6.2 Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Thu phí đường bộ và hoạt động xây lắp.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Đơn vị: VND

	Hoạt động		Tổng
	thu phí đường bộ	Hoạt động xây lắp	
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản cố định	463.903.409.465	82.471.884	463.985.881.349
Xây dựng cơ bản dở dang	12.597.584.489	-	12.597.584.489
Các khoản phải thu	11.583.214.615	11.768.908.500	23.352.123.115
Hàng tồn kho	223.661.498	4.306.341.605	4.530.003.103
Tài sản chung			127.518.950.671
<b>Tổng tài sản</b>			<b>631.984.542.727</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản phải trả	81.831.022.583	1.321.274.187	83.152.296.770
Phải trả tiền vay	266.033.571.399	-	266.033.571.399
Nợ phải trả chung			3.588.443.841
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>352.774.312.010</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Đơn vị: VND

	Hoạt động		Khác	Tổng
	thu phí đường bộ	Hoạt động xây lắp		
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	156.910.499.999	25.765.072.898	-	182.675.572.897
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Doanh thu</b>	<b>156.910.499.999</b>	<b>25.765.072.898</b>	<b>-</b>	<b>182.675.572.897</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	61.110.130.710	1.502.564.710	3.366.575.489	65.979.270.909
Trừ: Chi phí không phân bổ				23.508.848.383
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				42.470.422.526
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				(7.689.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>42.462.733.122</b>

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị: VND

	Hoạt động thu phí đường bộ	Hoạt động xây lắp	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản cố định	418.738.127.205	1.112.867.479	419.850.994.684
Xây dựng cơ bản dở dang	14.952.722.714	-	14.952.722.714
Các khoản phải thu	23.688.663.518	5.912.388.809	29.601.052.327
Hàng tồn kho	158.946.903	750.000	159.696.903
Đầu tư tài chính dài hạn	23.482.780.000		23.482.780.000
Tài sản chung			18.526.959.395
<b>Tổng tài sản</b>			<b>506.574.206.023</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản phải trả	11.645.025.567	43.803.400	11.688.828.967
Phải trả tiền vay	189.200.000.000	-	189.200.000.000
Nợ phải trả chung			44.096.484
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>200.932.925.451</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị: VND

	Hoạt động thu phí đường bộ	Hoạt động xây lắp	Khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	154.996.900.006	9.323.725.452	-	164.320.625.458
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Doanh thu</b>	<b>154.996.900.006</b>	<b>119.221.057.065</b>	<b>-</b>	<b>274.217.957.071</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	76.112.294.067	529.876.035	350.613.814	76.992.783.916
Trừ: Chi phí không phân bổ				30.289.613.749
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46.703.170.167
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				117.006.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp				1.220.523.788
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>45.599.653.169</b>

**6.3 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	1/1/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.596.194.316	3.871.551.651
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.910.411.420	16.922.265.690
Đầu tư ngắn hạn	-	8.000.000.000
Đầu tư dài hạn	23.482.780.000	126.688.488.620
<b>Tổng</b>	<b>33.989.385.736</b>	<b>155.482.305.961</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	10.339.982.020	83.152.296.770
Các khoản vay	189.200.000.000	266.033.571.399
<b>Tổng</b>	<b>199.539.982.020</b>	<b>349.185.868.169</b>

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường(Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	9.327.193.858	1.012.788.162	10.339.982.020
Các khoản vay	-	189.200.000.000	189.200.000.000
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	18.864.055.890	64.288.240.880	83.152.296.770
Các khoản vay	-	266.033.571.399	266.033.571.399

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.596.194.316	-	2.596.194.316
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.910.411.420	17.930.773.120	25.841.184.540
Đầu tư dài hạn	-	23.482.780.000	23.482.780.000
Tại 31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.871.551.651	-	3.871.551.651
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.922.265.690	-	16.922.265.690
Đầu tư ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	126.688.488.620	126.688.488.620

**6.4 Thông tin hợp đồng hợp tác kinh doanh**

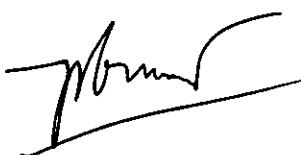
Căn cứ theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh tháng 5 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO về “Dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An”. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

Tổng mức đầu tư dự án	724.135.957.316
Trong đó cơ cấu vốn được xác định:	
70% vốn huy động hợp pháp	506.895.170.121
30% vốn góp của IDICO - LINCO và IDICO - IDI	217.240.787.195
Trong đó:	
IDICO - LINCO (70%)	152.068.551.037
IDICO - IDI (30%)	65.172.236.159
Đến 31/12/2011 IDICO - IDI đã góp	17.930.773.120

**6.5 Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Người lập



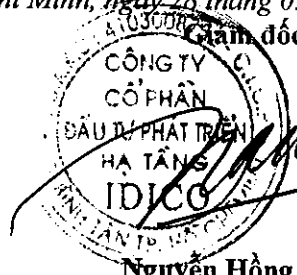

Nguyễn Trường Vũ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2012  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc

Nguyễn Hồng Ninh

